

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/4/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nhung.

Bà Đỗ Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 294/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1995.

ĐKHKTT: Thôn X, xã Q1, huyện M, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Xã T, huyện L, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Vũ Văn Q**, sinh năm 1993.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn X, xã Q1, huyện M, tỉnh Hải Dương.
Hiện cư trú tại: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị **Phạm Thị N** trình bày: Chị và anh **Vũ Văn Q** được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện M, tỉnh Hải Dương vào ngày 12/9/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Q chơi bời, cờ bạc nên vợ chồng thường cãi nhau về kinh tế từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau. Năm 2019, anh Q đi

xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh chị ít liên lạc với nhau, vợ chồng sống ly thân từ lâu không quan tâm đến ai. Nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ Đình T1, sinh ngày 27/10/2017, hiện đang ở với chị, chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại chị đang làm Spa thẩm mỹ tại thành phố Hải Dương, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 20.000.000đ - 30.000.000đ, mẹ con chị đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ chị tại xã T, huyện L, tỉnh Hải Dương, chị đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị N không cung cấp được địa chỉ của anh Q nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Q. Bà Vũ Thị T2 (là mẹ anh Q) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Q ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh Q vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Q biết. Thông qua gia đình anh Q trình bày khi anh đi nước ngoài làm ăn, anh được bạn bè thông tin cho biết chị N ở nhà có những mối quan hệ không rõ ràng do vậy anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn, anh Q nhất trí. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung là Vũ Đình T1 và tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Nếu chị N cũng xin nuôi con thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị được giải quyết vắng mặt. Bà Tịch trình bày việc ly hôn là do anh Q, chị N tự quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Vũ Văn Q. Về con chung: Giao con chung Vũ Đình T1 cho chị N nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị N sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Vũ Văn Q có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn X, xã

Q1, huyện M, tỉnh Hải Dương, hiện anh Q đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Q ở Đài Loan. Tòa án đã đề nghị gia đình anh Q cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh Q và gia đình đã thông báo cho anh Q biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh Q, đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai chị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Vũ Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện M, tỉnh Hải Dương vào ngày 12/9/2016 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng và nghi ngờ lẫn nhau, anh Q chơi bời, cờ bạc dẫn tới vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế. Ngày 11/11/2019 anh Q đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng không quan tâm và rất ít liên lạc với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q, thông qua gia đình anh Q cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị N ly hôn anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ Đình T1, sinh ngày 27/10/2017, hiện đang ở với chị N, chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại anh Q đang lao động ở Đài Loan, thông qua gia đình anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, nếu chị N cũng xin nuôi con thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại anh Q đang lao động tại Đài Loan, không có mặt tại Việt Nam nên không có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị N làm Spa thẩm mỹ, có thu nhập ổn định, hiện chị đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ tại xã T, huyện L, tỉnh Hải Dương nên chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa cháu Vũ Đình T1 vẫn còn nhỏ cần có sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Tùng cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu có căn cứ cho rằng chị N không có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con chung thì anh Q có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Vũ Văn Q.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Đình T1, sinh ngày 27/10/2017 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2020/0004643 ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Vũ Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Q1, huyện M, tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường